

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ do sự suy yếu của nhóm cổ phiếu chứng khoán với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2308 tăng điểm ngược chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

FPT, MSB

## [Cập nhật công ty]

DPM, PVD

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ một phần tỷ trọng trading ngắn hạn trong các nhịp hồi phục và chỉ kê mua trở lại khi chỉ số về lại các vùng hỗ trợ

15/08/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,234.05	-0.23
VN30	1,241.24	-0.18
HĐTL VN30F1M	1,241.00	+0.15
HNXIndex	251.45	+0.40
HNX30	515.33	+0.93
UPCoM	93.49	+0.03
USD/VND	23,955	+0.55
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.50	+5
Lãi suất qua đêm (%)	0.13	+3
Dầu (WTI, \$)	82.16	-0.42
Vàng (LME, \$)	1,904.32	-0.15



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,234.05 (-0.23%)  
**KLGD (triệu CP)** 850.3 (-14.0%)  
**GTGD (triệu U\$)** 802.1 (-19.0%)

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ do sự suy yếu của nhóm cổ phiếu chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại VPB (+0.23%), SSI (-1.54%), VIC (-3.55%).

**HNXIndex** 251.45 (+0.40%)  
**KLGD (triệu CP)** 119.7 (-9.9%)  
**GTGD (triệu U\$)** 90.2 (-8.3%)

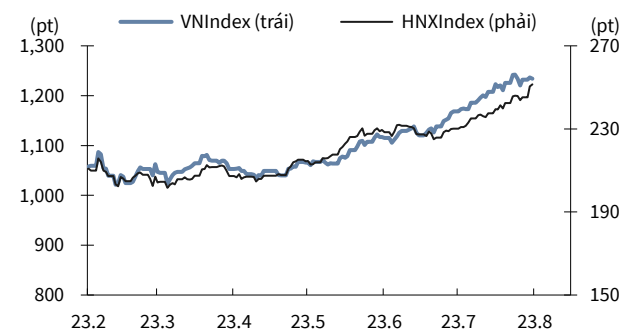
Bộ Công Thương ban hành Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2023 về tăng cường công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu gạo và bình ổn thị trường trong nước trong giai đoạn hiện nay. Cổ phiếu nhóm Gạo tăng giá ở TAR (+1.88%), PAN (+1.09%).

**UPCoM** 93.49 (+0.03%)  
**KLGD (triệu CP)** 57.5 (-5.5%)  
**GTGD (triệu U\$)** 34.9 (-2.1%)

Kết thúc phiên giao dịch đầu tuần, giá dầu thô Brent giảm 59 cent, tương đương 0.68%, xuống mức 86.22 USD/thùng. Tương tự, giá dầu WTI của Mỹ cũng giảm 72 cent, tương đương 0.87%, xuống mức 82.47 USD/thùng. Cổ phiếu nhóm Dầu khí giảm giá ở PLX (-0.49%), PVS (-1.14%).

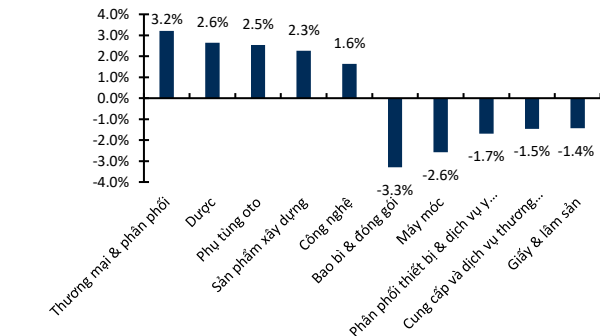
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -23.5

VNIndex & HNXIndex



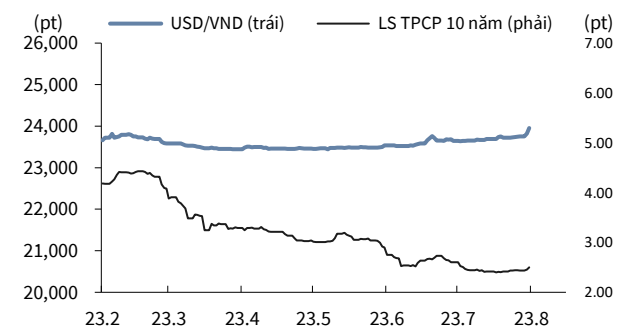
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

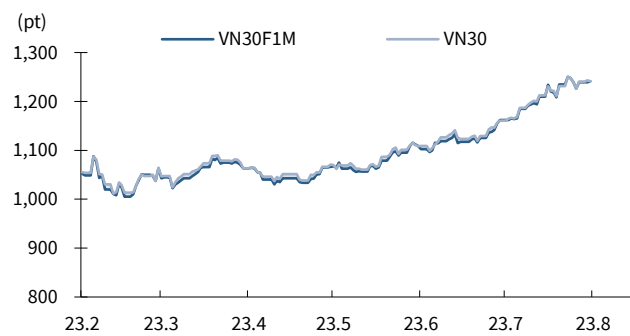
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,241.24 (-0.18%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,241.0 (+0.15%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,241.8</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,241.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,235.5</b>

HĐTL VN30F2308 tăng điểm ngược chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2308 và VN30 mở cửa tại -3.93 điểm, sau đó biến động quanh mức -1.59 điểm và đóng cửa tại -0.24 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

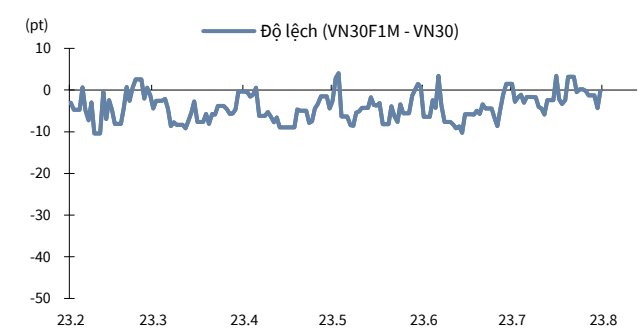
**KLGD (HĐ)** 153,831 (-29.1%)

HĐTL VN30F1M & VN30



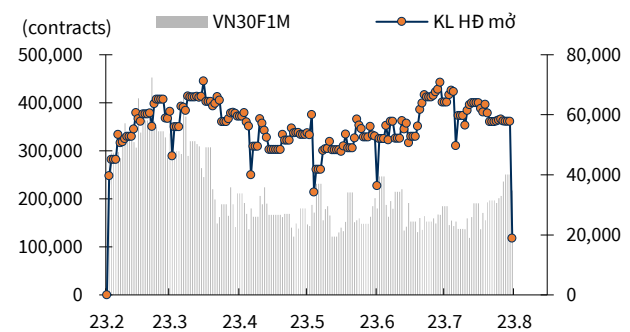
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



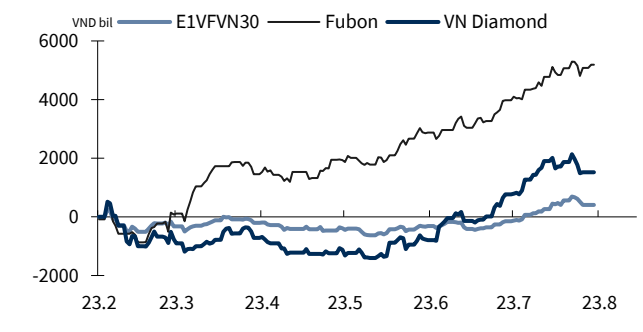
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

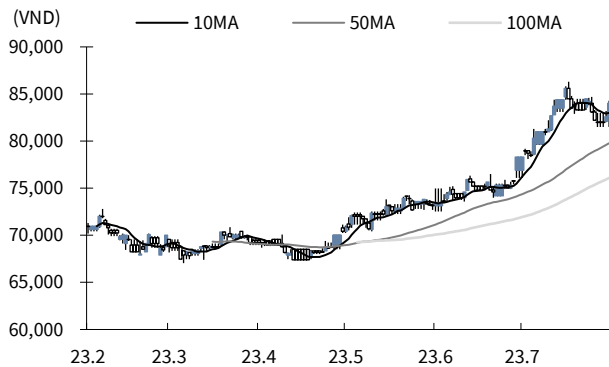
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

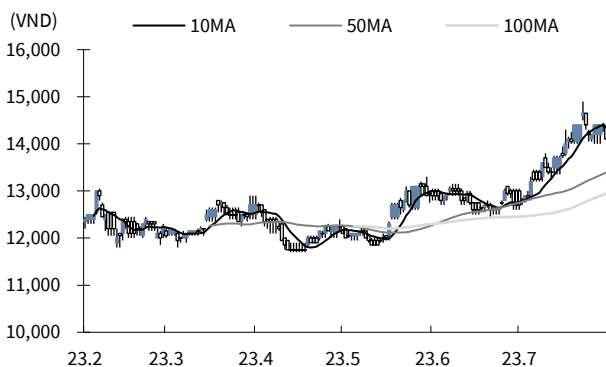
## CTCP FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 1.69% lên 84,000 VND/cp
- Tập đoàn FPT thông báo kết quả kinh doanh 7 tháng đầu năm 2023. Doanh thu tăng 22.4% lên 28,429 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế tăng 19.5% đạt 5,069 tỷ đồng. Mạng Công nghệ chiếm 47% lợi nhuận, trong đó dịch vụ CNTT thị trường nước ngoài tăng 30%. Mục tiêu năm 2023 đã hoàn thành 54% doanh thu và gần 56% lợi nhuận dự kiến.

## Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSB giảm 2.08% xuống 14,100 VND/cp
- Con trai thành viên HĐQT Ngân hàng Hàng Hải (MSB) muốn thoái sạch vốn, dự kiến thu về gần 29 tỷ đồng từ việc bán 2 triệu cổ phiếu MSB, tỷ lệ 0.1%. Giao dịch diễn ra từ ngày 18/8 đến 5/9. Nhiều lãnh đạo và người nhà khác cũng đăng ký bán cổ phiếu, trong bối cảnh cổ phiếu MSB tăng mạnh, đạt 14,100 đồng/cổ phiếu vào ngày 15/8 (tăng gần 30% so với tháng 10/2022).

# TCT PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ (DPM)

## Báo cáo thăm doanh nghiệp

### Kết quả kinh doanh 1H2023 bị các yếu tố tiêu cực tác động đồng thời

- Sản lượng sản xuất Urea 1H2023 đạt 385.6 ngàn tấn, giảm 16% yoy, chủ yếu do bảo dưỡng nhà máy định kỳ 26 ngày. Sản lượng bán hàng đạt 480.4 nghìn tấn, tăng 6.5% yoy, chủ yếu do giá Urea giảm sâu, giúp kích thích tiêu thụ.
- Sản lượng sản xuất và kinh doanh NPK 1H2023 giảm lần lượt 35% yoy và 8.7% yoy do tính chất thị trường thay đổi so với cùng kỳ. Tiêu thụ phân phức hợp NPK trong 1H2022 tăng đột biến do giá hấp dẫn hơn phân đơn Urea. Đến 1H2023, giá Urea giảm sâu 41% yoy trong khi NPK chỉ giảm 13% yoy, ảnh hưởng tiêu cực tới sản lượng bán hàng của mảng NPK.
- Về tình hình xuất khẩu, năm 2022 công ty đẩy mạnh xuất khẩu do giá thế giới thuận lợi hơn nội địa. Tới 1H2023 ngược lại, giá Urea quốc tế chạm đáy và thấp hơn đáng kể so với trong nước. Sản lượng xuất khẩu trong 1H2023 chỉ đạt 65 nghìn tấn (-65.7% yoy).
- Biên lợi nhuận gộp (BLNG) mảng Urea giảm mạnh trong 1H2023, còn khoảng 21% so với mức trên 40% cùng kì năm 2022 do đơn giá khí đầu vào tăng trong khi giá bán giảm mạnh. Trong nửa đầu năm 2023, nhu cầu điện khí tăng cao, khiến PV GAS bắt buộc phải ưu tiên phân bổ khí cho các nhà máy điện. Trong khi đó, DPM phải nhận phần lớn khí từ bể Cửu Long thay vì từ các bể Nam Côn Sơn, Bạch Hổ, Rồng Đồi Mồi như trong quá khứ. Lưu ý rằng khí tại bể Cửu Long có giá miêng giếng và giá cước vận chuyển đắt gấp lần lượt 1.5 lần và 2.5 lần so với trung bình giá của 3 bể nêu trên.

### Kỳ vọng hoạt động kinh doanh trong 2H2023 và 2024 sẽ tươi sáng hơn

- DPM cho rằng lợi nhuận trong Q2/2023 đã tạo đáy. Nhiều khả năng KQKD trong Q3 và Q4 sẽ cải thiện rõ rệt.
- Trong tháng 7, giá Urea đã tăng đột biến. Thị trường thế giới có nhiều diễn biến tích cực. Nhìn chung nguồn cung trên các thị trường đang bị siết chặt. Tại khu vực Đông Nam Á, một số nhà máy tại Malaysia, Indonesia và Brunei giảm công suất vì nhiều lí do khác nhau, khiến lượng hàng xuất khẩu nhỏ giọt. Phía Ai Cập cắt sản lượng mạnh do thiếu hụt nguồn khí tự nhiên. Khu vực Algeria, Trung Á, Bắc Phi cũng có chung tình trạng như Ai Cập. Khu vực Biển Đen cũng trở nên căng thẳng sau khi thỏa thuận hành lang ngũ cốc chấm dứt. Trong khi đó, nhu cầu tại các thị trường chủ lực là Ấn Độ và Brazil lại đang tăng mạnh. Quý 3 thường không phải giai đoạn cao điểm nhưng các quốc gia vẫn đang phải đẩy mạnh thu mua do lo ngại giá Urea sẽ tiếp tục tăng cao.
- Giá Urea nội địa đã kịp tăng từ trung bình 9,000 VND trong Q2 lên mức 10,000-10,500 VND vào đầu tháng 8. Công ty kỳ vọng giá Urea sẽ dẫn dắt giá NPK, NH3. Tuy nhiên, không loại trừ khả năng yếu tố nguồn cung thắt chặt trên thị trường chỉ mang tính ngắn hạn và giá Urea có thể sẽ điều chỉnh.

- DPM cho biết đã tiêu thụ hết phần tồn kho giá cao trong 1H2023. Công ty sẽ giảm thiểu áp lực trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong 2H2023.
- Công ty kỳ vọng BLNG trong 2H2023 sẽ cải thiện đáng kể. Theo hợp đồng khí năm 2023, PVN đồng ý cho DPM lấy tối đa 30% lượng khí đầu vào từ Bạch Hổ, Rồng Đồi Mồi. Đến thời điểm hiện tại, DPM hầu như chưa được lấy khí từ những mỏ này. Hơn nữa, vấn đề thiếu hụt điện phần nào đó cũng đã được giải quyết. Công ty kỳ vọng nguồn khí trong thời gian tới sẽ có giá hấp dẫn hơn. Tuy nhiên về dài hạn, mỏ Bạch Hổ sẽ suy giảm với tốc độ nhanh, nên công ty chỉ có thể kỳ vọng nhận được tỷ trọng khí lớn hơn từ bể Nam Côn Sơn.

### Thông tin khác

- DPM cho biết công suất tối đa của các nhà máy phân bón tại Việt Nam đang vào khoảng 2.6 triệu tấn/năm, trong khi cầu ở mức khoảng 2.2 triệu tấn/năm. Mảng Urea của DPM vẫn chạy vượt công suất và dự kiến DPM không có nhu cầu tăng công suất nhà máy do cung nội địa đã vượt cầu.
- Về dài hạn, DPM có định hướng sẽ đẩy mạnh mảng xuất khẩu hơn. Tuy nhiên, công ty sẽ phải đánh giá tương quan mức giá giữa thị trường quốc tế và nội địa để đưa ra tỷ trọng hợp lý.
- Trong các năm qua, thị phần phân Urea nhập khẩu đang khá lớn. Tuy nhiên, công ty đánh giá trong ngắn hạn nguồn cung trên thế giới đang thắt chặt nên yếu tố phân nhập khẩu sẽ không đáng ngại.
- Tình hình cạnh tranh NPK ở nội địa vẫn đang gay gắt do ít rào cản về kỹ thuật sản xuất. Hiện tại nhà máy NPK của DPM đang đạt hiệu suất khoảng 60-70% công suất thiết kế nhưng công ty chưa có nhu cầu tăng hiệu suất do thị trường không thuận lợi.
- DPM cho biết các sản phẩm hóa chất tiềm năng (Melamine, H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>, Soda Ash) đang có giá biến động khá mạnh. Mấu chốt của các dự án hóa chất mới này là tìm đối tác để hỗ trợ công nghệ và đảm bảo đầu ra. Công ty sẽ không gặp vấn đề về thu xếp vốn.
- Cập nhật tiến độ các dự án tiềm năng:
  - H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>: thay đổi phương án đối tác, theo đó Vinachem sẽ chỉ phối hợp bán hàng chứ không tham gia góp vốn. Thị trường dự kiến tập trung ở nội địa.
  - Melamine và Soda Ash: đã hoàn thành FS và đang trình xin PVN. Công ty đang xúc tiến tìm đối tác đầu tư và phân phối. Thị trường dự kiến sẽ là xuất khẩu.

# TCT CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ (PVD)

## Báo cáo thăm doanh nghiệp

### Kết quả hoạt động kinh doanh 1H2023 tích cực

- Doanh thu 1H2023 của PVD giảm nhẹ 0.9% yoy. Trong 1H2023, PVD không thuê thêm giàn trong khi cùng kỳ công ty có đóng góp doanh thu từ giàn Hakuryu -11 đi thuê. Bù lại, giá cước cho thuê giàn trung bình đã tăng khoảng 30% yoy, giúp cho doanh thu không bị sụt giảm nhiều.
- LNST 1H2023 đạt 207 tỷ VND so với mức lỗ 149 tỷ VND cùng kỳ, chủ yếu do giá cước cho thuê giàn trung bình và hiệu suất khai thác các giàn khoan tăng. Lưu ý rằng các giàn khoan đi thuê từ các nhà cung cấp khác thường không đóng góp nhiều vào cơ cấu lợi nhuận gộp (LNG) do biên lợi nhuận gộp (BLNG) thường rất thấp (1.5-2%), nên việc không thuê thêm giàn khoan sẽ không ảnh hưởng đáng kể tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra trong 1H2023, PVD cũng ghi nhận tăng cổ tức nhận từ các liên doanh và khoản thu nhập bất thường phát sinh do khách hàng đền bù hủy hợp đồng, trong khi chi phí lãi vay tăng đột biến 107% yoy do tình hình lãi suất LIBOR quốc tế tăng mạnh từ đầu năm.
- Đến hết 1H2023, PVD đã trả hết nợ vay cho 4 giàn VD I, II, III và Land Rig. Dư nợ cho các giàn PVD V và PVD VI còn lần lượt 13 triệu và 123 triệu USD. Công ty cũng đã thương lượng thành công việc giãn thời gian trả nợ cho giàn PVD VI thêm 7 năm.

### Triển vọng hoạt động kinh doanh trong 2H2023 và 2024 tươi sáng

- Các giàn PVD I, II và VI đã có công việc đến cuối 2024. Giàn PVD III có hợp đồng tới hết tháng 5/2024. Giàn PVD V vẫn đang phục vụ khách hàng Shell Petroleum tại Brunei theo hợp đồng thời hạn 6 năm tính từ 2022. Giàn Land rig có hợp đồng đến tháng 10/2023, sau đó sẽ cần tìm khách hàng mới. Cũng cần lưu ý rằng giàn Land rig không đóng góp nhiều trong cơ cấu doanh thu và LNG gộp của PVD, chủ yếu phục vụ mục đích ngoại giao giữa Việt Nam và Algeria.
- PVD đánh giá triển vọng toàn ngành giai đoạn 2H2023-2024 sẽ vẫn tích cực. Giá dầu vượt xa mức 70 USD/thùng như hiện tại sẽ đảm bảo tạo ra lợi nhuận cho các đơn vị khai thác dầu, tạo điều kiện cho các quốc gia trong khu vực đẩy mạnh hoạt động thăm dò và mở lại nhiều dự án khai thác lớn.
- PVD cho rằng nhu cầu thuê giàn thời gian tới chủ yếu đến từ khu vực Trung Đông. Trong Q1/2023, các nước Trung Đông công bố kế hoạch khai thác đến 2030, theo đó họ sẽ đẩy mạnh khai thác trong 7 năm tới để tránh các quy định về khí thải trong giai đoạn sau 2030.
- Công ty đánh giá nguồn cung giàn khoan trong khu vực là rất hạn hẹp do các giàn khoan trên thế giới đang đổ về khu Trung Đông. Từ đầu năm đến nay, có khoảng 53 giàn đã di chuyển tới khu vực này, trong đó có đến 21 giàn xuất xứ từ Đông Nam Á, khiến nguồn cung trong khu vực bị thiếu hụt trầm trọng. Tình trạng thiếu hụt cung có thể sẽ kéo dài do hiện tại đang không có nhiều giàn xây mới sẵn sàng gia nhập thị trường. Tới tháng 7/2023, thế giới có 20 giàn khoan mới đang được đóng tại xưởng nhưng đã được đặt hàng hết bởi các khách hàng Trung Đông.



- Hiệu suất sử dụng giàn trung bình trên thế giới tăng lên 80.8% so với mức 70% cũng kỳ năm 2022. PVD kỳ vọng hiệu suất sẽ tiếp tục cải thiện do nhu cầu cao trong khu vực. Giá cước thuê giàn cũng có diễn biến đồng pha với hiệu suất thuê giàn. Hiện tại đã xuất hiện những hợp đồng cho thuê giàn với mức giá cước 130-150 nghìn USD/ngày. Các hợp đồng của PVD trong năm 2023 đang có mức giá cước thuê khoảng 75-80 nghìn USD/ngày. Giá cước của các hợp đồng trong năm 2024 ở mức 80-90 nghìn USD/ngày. Mức cước cho 4 giàn tự nâng của PVD có thể sẽ tăng lên trên 100 nghìn USD/ngày khi các giàn này được ký mới sau khi kết thúc hợp đồng.
- Mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác được kỳ vọng sẽ hưởng lợi nhờ khối lượng công việc khổng lồ tại các dự án Tê Giác Trắng, Cá Ngừ Vàng, Đại Hùng giai đoạn 3, Lạc Đà Vàng, Lô 5,11, và 15 trong năm 2024.

#### Thông tin khác

- Lô B kỳ vọng sẽ được triển khai vào năm 2025. 18 tháng đầu sẽ cần 2 giàn, sau đó là 1 giàn hoạt động liên tục cho vòng đời dự án. Tuy nhiên, tiến độ dự án này không ảnh hưởng đáng kể đến PVD do khối lượng công việc hiện tại đã rất lớn và đã có nhiều bên tiếp cận đề nghị ký hợp đồng cho giai đoạn sau 2024.
- Hiện tại việc thuê thêm giàn để phục vụ các dự án nội địa trong năm 2024 đang gặp khó do nguồn cung bị thắt chặt. PVD dự kiến sẽ đưa các giàn quốc tế về phục vụ thị trường nội địa sau khi các giàn này hết hợp đồng.
- Công ty có kế hoạch đầu tư thêm 1 giàn sau khi xem xét nhu cầu gia tăng đột biến trong thời gian tới. Tổng mức đầu tư khoảng 130 triệu USD, tỷ lệ vay/VCSH=70/30. Dự kiến công ty sẽ tiếp cận mua các giàn đang ở mức 60-70% hoàn thiện, giải ngân vào cuối 2023 và kỳ vọng đưa giàn khoan về trong năm 2024.



# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Áp lực bán có phần suy yếu về cuối phiên kết hợp với việc ngưỡng hỗ trợ gần 1230 cho phản ứng đã giúp chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu. Mặc dù cơ hội mở rộng đà hồi phục của chỉ số vẫn hiện hữu, VNIndex nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh trở lại quanh ngưỡng cản gần 1240 (+5)
- NĐT được khuyến nghị bán hạ một phần tỷ trọng trading ngắn hạn trong các nhịp hồi phục và chỉ kê mua trở lại khi chỉ số về lại các vùng hỗ trợ.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1254 – 1258

Kháng cự gần: 1245 – 1250

Hỗ trợ gần: 1234 – 1237

Hỗ trợ xa: 1223 – 1226

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hồi phục hoàn toàn về cuối phiên.
- Áp lực bán có phần suy yếu về cuối phiên kết hợp với việc ngưỡng hỗ trợ gần 1235 cho phản ứng đã giúp F1 tránh được một nhịp giảm sâu. Mặc dù cơ hội mở rộng đà hồi phục vẫn hiện hữu, F1 nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh trở lại quanh ngưỡng cản gần 1245 (+5)
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

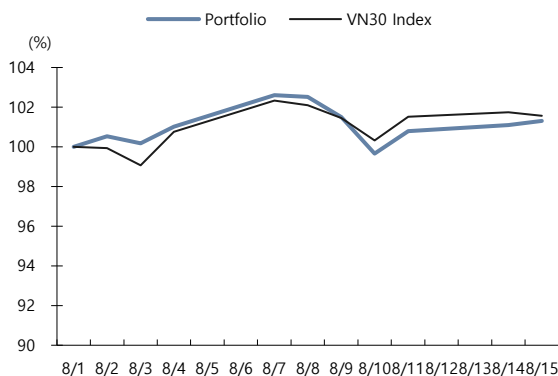
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.18%	0.21%
Tăng lũy kế (YTD)	1.56%	1.31%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/08/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Vietcombank (VCB)	01/08/2023	88,900	-0.1%	-2.5%	- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao so với toàn ngành, giúp linh hoạt trong việc giảm dự phòng. - NIM được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức hiện tại hoặc giảm nhẹ - Tham gia tái cấu trúc TCTC yếu kém sẽ giúp ngân hàng được cấp room tín dụng ~14%.
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	28,300	1.4%	1.4%	- Quy hoạch điện VIII phê duyệt giúp BLNG có thể được cải thiện lên 11% trong 2023 - Nhà máy khai thác Nickel tại Cao Bằng đã vận hành trong T4/2023 - PC1 dự kiến bàn giao toàn bộ 54 căn hộ thấp tầng tại dự án Gia Lâm trong 2023
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/08/2023	79,000	-0.5%	-2.5%	- Ngành bán lẻ phục hồi sức mua theo nền kinh tế nhờ các hỗ trợ tài khóa và tiền tệ - Kỳ vọng BLNG cải thiện: 1) cơ cấu DM sản phẩm và 2) giảm bớt chính sách khuyến mại - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh Kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Techcombank (TCB)	01/08/2023	34,050	0.7%	0.1%	- Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao nhờ vào hoạt động bán buôn - NIM chưa phục hồi nhưng CASA được cải thiện, đạt 35% so với 1Q23 là 32% - P/B đang giao dịch ở mức 0.98 lần. Thấp hơn trung bình ngành là 1.63
PV Power (POW)	01/08/2023	13,900	1.1%	3.3%	- Nhà máy điện Vũng Áng 1 đang sửa chữa được dự kiến được quay trở lại vào quý 4/2023 - Nhu cầu phụ tải điện có xu hướng tăng trong khi thủy điện khó bù đắp sản lượng - Động lực tăng trưởng dài hạn đến từ 2 nhà máy nhiệt điện khí NT3 và NT4
FPT Corp (FPT)	01/08/2023	84,000	1.7%	-0.6%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định
Viettel Post (VTP)	01/08/2023	41,600	-0.5%	1.3%	- VTP kỳ vọng cải thiện BLNG mảng dịch vụ lên 7.8% nhờ tập trung vào tối ưu hóa chi phí - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần của VTP lên 21% - VTP dành nhiều nguồn lực cho việc mở rộng thị trường phân khúc khách hàng lớn
Kinh Bắc Group (KBC)	01/08/2023	32,600	0.5%	1.7%	- KBC kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Quỹ đất mới được phê duyệt 1,256 ha là động lực tăng trưởng trong trung và dài hạn - KĐT Tràng Cát và KCN Tràng Duệ 3 được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh tiến độ
Sacombank (STB)	01/08/2023	31,500	-1.3%	8.8%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lãi suất; (2) Thanh khoản được cải thiện - Tỷ lệ nợ xấu trong nhóm thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dự địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	20,600	-1.0%	6.2%	- Mức crack spread có thể được cải thiện từ mùa cao điểm ở thị trường Trung Quốc và Mỹ. - Kế hoạch hoàn bảo dưỡng nhà máy có thể giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	0.3%	27.2%	77.8
HSG	2.5%	20.2%	60.4
DIG	-0.4%	5.8%	42.1
VGC	2.7%	4.8%	27.9
NVL	-2.4%	3.9%	27.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	0.2%	16.7%	-132.3
VIC	-3.6%	13.0%	-108.0
MSN	0.2%	30.6%	-85.3
BCM	-0.4%	2.7%	-73.0
SSI	-1.5%	46.5%	-67.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BVS	0.8%	5.5%	9.8
IDC	0.8%	1.1%	3.1
TIG	3.2%	9.9%	2.7
PVI	0.6%	59.4%	1.1
L14	10.0%	0.2%	0.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-1.0%	23.8%	-17.4
DTD	-3.2%	6.9%	-8.7
CEO	9.9%	3.8%	-3.2
NVB	-2.4%	8.2%	-2.1
SHS	-1.2%	11.5%	-2.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	7.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Giấy & lâm sản	5.6%	DHC, HAP, HHP, VID
Kim loại & khai thác	3.1%	HPG, HSG, NKG, KSB
Thương mại & phân phối	2.2%	VPG, TSC, BTT, TNA
Đồ gia dụng	2.0%	TTF, GDT, EVE, SAV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm	-4.3%	VNM, MSN, KDC, VHC
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-2.8%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Đồ uống	-2.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.2%	TNH, JVC, VMD
Tập đoàn công nghiệp	-2.0%	REE, BCG, PET, EVG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	38.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Quản lý & phát triển bất động sản	16.4%	VHM, VIC, NVL, BCM
Thương mại & phân phối	10.0%	VPG, TSC, BTT, TNA
Giấy & lâm sản	7.3%	DHC, HAP, HHP, VID
Công nghệ	7.1%	FPT, CMG, ELC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-5.8%	TLG, ILB, APC, ST8
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-4.5%	TNH, JVC, VMD
Dược	-4.2%	DHG, IMP, TRA, DBD
Tập đoàn công nghiệp	-2.8%	REE, BCG, PET, EVG
Đầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-1.3%	PLX, PGC, CNG, GSP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	521,346 (22.0)	22.5	80.5	80.3	14.7	3.0	2.9	2.4	2.3	-3.5	5.5	37.5	31.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	248,081 (10.5)	26.6	8.4	7.7	35.9	19.8	18.6	1.6	1.3	0.8	-1.8	9.4	28.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	219,396 (9.2)	17.8	17.4	16.4	-7.6	11.5	11.4	1.9	1.8	3.3	1.0	11.8	19.0
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	917,238 (38.7)	31.3	-	-	6.7	-1.8	-3.4	1.1	1.1	-2.4	2.0	37.0	48.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	85,430 (3.6)	11.6	26.6	19.0	13.7	8.5	11.3	2.1	1.9	-1.4	2.1	14.3	35.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	498,068 (21.0)	13.9	59.9	46.7	-	7.3	2.9	1.3	1.3	0.0	8.8	29.5	60.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	99,811 (4.2)	6.3	15.1	13.2	11.7	22.3	20.3	2.9	2.4	-0.1	-2.0	0.0	31.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	95,905 (4.0)	12.7	13.2	9.8	-5.3	20.3	20.6	2.1	1.7	-1.3	-3.4	0.5	21.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	205,302 (8.7)	0.0	6.4	5.0	14.3	15.3	16.6	0.9	0.8	0.7	0.1	6.6	31.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	228,889 (9.7)	1.4	8.7	7.6	50.3	16.4	17.2	1.3	1.1	0.3	-0.6	8.4	18.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	448,715 (18.9)	0.0	10.7	7.8	18.8	11.7	13.7	1.2	1.1	0.2	-0.9	10.6	22.9
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	179,222 (7.6)	0.0	5.2	4.4	14.6	23.0	22.4	1.0	0.9	0.0	-1.3	1.6	27.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	54,613 (2.3)	4.2	5.3	4.8	23.3	22.9	20.4	1.1	0.9	-0.6	-1.7	3.7	22.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	703,237 (29.7)	14.0	8.2	5.1	26.5	18.6	23.4	1.3	1.0	-1.3	5.7	8.6	40.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	173,704 (7.3)	0.0	5.1	4.5	37.4	19.5	19.2	1.0	0.9	1.9	0.0	4.7	25.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	234,500 (9.9)	0.2	-	-	27.3	16.3	16.5	-	-	-1.2	2.5	21.7	6.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	45,611 (1.9)	21.0	16.9	15.5	15.8	11.3	10.3	1.6	1.5	0.6	-0.7	0.9	1.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,015 (0.2)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	3.7	2.1	4.8	23.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	477,002 (20.1)	55.4	16.6	14.7	-3.2	13.6	11.9	1.7	1.5	-1.5	-1.4	0.7	62.1
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	173,732 (7.3)	71.9	18.4	16.3	-4.0	15.0	15.6	2.6	2.4	-1.3	-2.2	0.9	85.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	154,340 (6.5)	52.4	18.5	16.9	-19.0	10.3	10.2	1.8	1.7	-1.6	-3.4	-0.7	50.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	614,394 (25.9)	27.2	15.1	15.0	36.3	12.2	11.5	1.8	1.7	-1.4	5.0	14.1	56.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	252,648 (10.7)	42.1	18.3	16.5	4.0	28.7	31.3	5.2	5.4	-0.8	-2.3	-0.7	-4.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	30,419 (1.3)	36.9	22.4	19.9	7.3	20.7	20.8	4.0	3.9	-0.4	-2.7	2.3	-5.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	186,795 (7.9)	16.5	52.4	23.8	-51.9	8.7	13.8	5.3	5.0	0.2	-7.6	0.7	-11.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	27,203 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-2.2	10.3	5.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,094 (3.6)	11.0	62.2	29.7	-88.5	12.8	11.2	3.5	3.0	1.7	-1.1	4.1	-6.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	80,254 (3.4)	10.8	12.3	17.6	-57.0	24.8	12.1	2.0	1.9	0.5	-4.3	-1.8	23.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	278,843 (11.8)	38.4	17.8	14.5	65.7	2.4	3.8	1.1	1.1	-0.9	4.2	13.0	72.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	406,349 (17.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.8	0.0	12.7	85.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	96,051 (4.1)	3.6	23.5	24.6	-52.4	0.1	2.4	0.6	0.6	-0.6	0.1	-16.4	103.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	64,923 (2.7)	0.0	10.5	10.2	-4.5	15.6	15.1	1.5	1.4	-0.3	-2.5	-4.1	1.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	52,779 (2.2)	46.1	16.0	15.1	-17.5	19.0	17.9	3.0	2.7	-0.2	-0.8	1.4	-1.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,054 (1.1)	31.4	12.1	9.9	-10.5	13.9	19.9	1.9	1.9	0.2	-2.0	-5.3	2.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	7,597 (0.3)	34.1	13.4	5.4	-5.1	6.9	15.7	-	-	-0.7	-2.7	-8.9	13.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	706,029 (29.8)	18.0	19.7	12.9	21.9	8.4	11.7	1.6	1.4	-0.7	2.8	1.6	55.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	120,662 (5.1)	36.5	10.8	11.2	-0.5	11.0	11.8	1.2	1.2	1.2	4.9	12.5	-3.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	142,498 (6.0)	46.5	14.5	10.1	-4.5	11.6	16.3	1.7	1.5	-0.6	-0.1	17.4	25.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	278,289 (11.7)	38.9	-	19.5	67.9	0.8	6.9	1.3	1.3	2.5	10.2	16.1	83.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	123,091 (5.2)	97.2	16.9	14.4	17.2	6.2	7.2	-	-	1.7	-0.8	3.4	75.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	72,932 (3.1)	4.6	16.7	15.8	-51.0	12.9	12.1	2.0	1.9	-0.5	-1.3	-1.3	27.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	125,739 (5.3)	39.9	39.9	22.6	-11.9	5.2	8.9	1.0	1.0	-0.4	-2.1	1.6	43.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	93,204 (3.9)	35.9	8.9	8.2	2.2	15.0	15.0	1.2	1.0	0.4	-3.1	-0.4	7.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	330,508 (13.9)	0.0	37.5	16.3	14.4	9.8	17.3	3.1	2.7	-0.4	0.7	9.2	25.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	88,898 (3.8)	0.0	15.2	12.3	2.4	19.6	21.8	2.7	2.4	-0.5	-2.9	0.6	-12.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,856 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	-1.8	1.9	54.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	110,958 (4.7)	30.3	48.1	22.9	-75.2	10.7	18.3	4.6	3.8	0.1	-6.1	-3.8	23.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	26,881 (1.1)	34.6	8.0	8.4	41.2	19.2	17.7	2.1	2.0	-0.2	-3.2	-1.2	28.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	10,991 (0.5)	45.4	13.1	12.2	10.7	25.4	24.1	3.2	2.7	3.4	1.7	-7.8	41.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	96,586 (4.1)	0.0	17.7	14.5	15.5	27.2	28.3	4.4	3.6	1.7	-0.2	7.3	25.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyennd1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuannnd@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn



## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

